

Số: /SGDDĐT-VP
V/v tuyên truyền bộ thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền của Sở Giáo dục và
Đào tạo

Trà Vinh, ngày tháng 12 năm 2024

Kính gửi:

- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở;
- Giám đốc trung tâm GDNN-GDTX, GDTX-HNDN.

Quán triệt thực hiện Chương trình số 12-CTr/TU ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tỉnh ủy về tăng cường công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ CCHC, nâng cao thứ hạng các chỉ số PAR Index, PAPI, SIPAS giai đoạn 2021 – 2025;

Để việc thực hiện bộ thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo đảm bảo đầy đủ và đúng theo danh mục, quy trình tiếp nhận và giải quyết TTHC, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở; Giám đốc trung tâm GDNN-GDTX, GDTX-HNDN (sau đây gọi tắt là Thủ trưởng các đơn vị) cập nhật và tuyên truyền đến công chức, viên chức, người lao động, cha mẹ học sinh,... bộ TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, như sau:

1. Các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đã ban hành công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng, quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, hiện nay đang áp dụng cụ thể như sau:

- Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/ 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới danh mục 143 TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo. Hiện còn 79 thủ tục (cấp tỉnh: 47 thủ tục, cấp huyện: 32 thủ tục)

- Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 về công bố mới danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính về việc Công bố mới 04 thủ tục hành chính: cấp tỉnh 02 thủ tục, cấp huyện 02 thủ tục cấp tỉnh 02 thủ tục, cấp huyện 02 thủ tục. hiện còn 02 thủ tục (cấp tỉnh: 01 thủ tục, cấp huyện: 01 thủ tục).

- Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 27/4/2024 về công bố mới, bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực thi, tuyển sinh Công bố mới 01 thủ tục, bãi bỏ 01 thủ tục. hiện còn 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh.

- Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 về công bố mới, bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực hệ thống văn bằng chứng chỉ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo

dục và Đào tạo Công bố mới 01 thủ tục, bãi bỏ 01 thủ tục. hiện còn 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh.

- Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo. Công bố mới kèm theo Quyết định này Danh mục 48 (*bốn mươi tám*) thủ tục hành chính (*cấp tỉnh: 30 thủ tục, cấp huyện: 13 thủ tục, cấp xã: 05 thủ tục*); sửa đổi, bổ sung 23 (*hai mươi ba*) thủ tục hành chính (*cấp tỉnh: 16 thủ tục, cấp huyện: 07 thủ tục*); bãi bỏ 50 (*năm mươi*) thủ tục hành chính, trong đó (*cấp tỉnh: 30 thủ tục, cấp huyện: 15 thủ tục, cấp xã: 05 thủ tục*). Hiện còn 53 thủ tục (*cấp tỉnh: 35 thủ tục, cấp huyện: 13 thủ tục, cấp xã: 05 thủ tục*)

Như vậy, bộ thủ tục hành chính Sở Giáo dục và Đào tạo hiện có 136 thủ tục (*cấp tỉnh: 85 thủ tục, cấp huyện 46 thủ tục, cấp xã 05 thủ tục*)

2. Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng, quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tính đến ngày 15/12/2024 có 136 thủ tục, bao gồm: cấp tỉnh: 85 thủ tục, cấp huyện 46 thủ tục, cấp xã 05 thủ tục (Đính kèm danh sách).

3. Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị, theo chức năng nhiệm vụ được giao căn cứ các Quyết định nêu trên triển khai thực hiện:

- Thông báo và đăng tải, niêm yết công khai Danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa; Danh mục TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích; Danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý.

- Hướng dẫn đến các tổ chức, cá nhân truy cập địa chỉ <http://csdl.dichvucong.travinh.gov.vn> hoặc địa chỉ <http://sgddt.travinh.gov.vn> để khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu dịch vụ công và niêm yết, công khai TTHC theo quy định.

4. Giao Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu, theo dõi việc triển khai thực hiện tuyên truyền, niêm yết và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC tại phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị triển khai, tuyên truyền đến công chức, viên chức, người lao động, cha mẹ học sinh,.. thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các Phó GD Sở GDĐT;
- Phòng CMNV Sở GDĐT;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Bạch Vân

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng, quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

tính đến ngày 15/12/2024

(Ban hành kèm theo các Quyết định: số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023; số 76/QĐ-UBND ngày 19/01/2024; số 729/QĐ-UBND ngày 27/4/2024; số 1866/QĐ-UBND ngày 29/10/2024; số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh (85 thủ tục)

STT	Tên thủ tục	Mã số TTHC	Thời gian giải quyết hồ sơ TTHC	Quyết định công bố TTHC
Lĩnh vực giáo dục trung học				
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	1.012944	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, UBND tỉnh thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	1.012953	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt	1.012954	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trường	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

	động giáo dục trở lại			
4	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	1.012955	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, UBND tỉnh thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	1.012956	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải thể trường	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Tuyển sinh trung học phổ thông	3.000181	Không quy định	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	2.002478	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	2.002479	Không quy định	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	2.002480	Không quy định	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	1.001088	Không quy định	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Lĩnh vực giáo dục thường xuyên				
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên	3.000311	Đối với thành lập trung tâm công lập: 15 ngày Đối với thành lập trung tâm tư thực + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	3.000312	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trung tâm	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên	3.000313	Đối với thành lập trung tâm công lập: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Đối với thành lập trung tâm tư thực: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 05 ngày làm việc, Sở GDĐT thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa cho tổ chức, cá nhân + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 25 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	3.000314	Đối với thành lập trung tâm công lập: 05 ngày làm việc, UBND tỉnh xem xét, quyết định việc giải thể trung tâm Đối với thành lập trung tâm tư thực: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 05 ngày làm việc, Sở GDĐT thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa cho tổ chức, cá nhân + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 25 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

5	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	3.000315	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 05 ngày làm việc, Sở GDĐT thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa cho tổ chức, cá nhân Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 15 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	3.000316	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trung tâm	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	3.000317	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 05 ngày làm việc, Sở GDĐT thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa cho tổ chức, cá nhân Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 20 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	1.012988	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 05 ngày làm việc, Sở GDĐT thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa cho tổ chức, cá nhân Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 20 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	1.012957	Thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập: thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ UBND cấp tỉnh quyết định. Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập trung tâm. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 10 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	3.000318	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trung tâm	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

11	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	3.000319	Sáp nhập, chia, tách trung tâm công lập: 05 ngày, UBND tỉnh quyết định việc sáp, nhập, chia, tách trung tâm Sáp nhập, chia, tách trung tâm tư thực: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày, Sở GDĐT thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 25 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
12	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	3.000320	Đối với giải thể trung tâm công lập: trong 05 ngày làm việc, Sở GDĐT, UBND tỉnh xem xét, quyết định giải thể trung tâm Đối với giải thể trung tâm tư thực: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày, Sở GDĐT thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho tổ chức, cá nhân + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 25 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác				
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	1.012958	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày, UBND tỉnh thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho tổ chức, cá nhân + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 30 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	1.005008	20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

3	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	1.004988	20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	1.004999	25 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	1.004991	20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	1.012959	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày, UBND tỉnh thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho tổ chức, cá nhân + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 30 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	1.000181	15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	1.001000	05 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	1.005061	15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	2.001987	15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
11	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	1.012960	20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ thành phần hồ sơ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

12	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	3.000297	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
13	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	3.000298	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trường	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
14	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	3.000299	Trường hợp không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, UBND tỉnh thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa Trường hợp hợp lệ: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
15	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	3.000300		Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
16	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	3.000301	Trường hợp không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, UBND tỉnh thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung Trường hợp hợp lệ: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
17	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	3.000302	Trường hợp không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, Sở GDĐT thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung Trường hợp hợp lệ: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
18	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	3.000303	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của nhà trường	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

19	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	3.000304	Trường hợp không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, UBND tỉnh thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung Trường hợp hợp lệ: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
20	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	3.000305	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
21	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	3.000306	Trường hợp không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, UBND tỉnh thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung Trường hợp hợp lệ: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục				
1	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000715	3 tháng, 20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000713	3 tháng, 20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000711	3 tháng, 20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	1.000259	40 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân				
1	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	1.000288	03 tháng 20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	1.000280	03 tháng 20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	1.000691	03 tháng 20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	1.000729	30 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Đề nghị đánh giá công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh	2.002593	Gửi hồ sơ: trước ngày 15 tháng 01 hằng năm - Thời gian hoàn thành đánh giá: trước ngày 15 tháng 02 hằng năm	Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	1.005143	20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	1.009002	15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Xét, cấp học bổng chính sách	1.002407	15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng	1.001714	Lần 1: tháng 9 hoặc tháng 10, tháng 11; Lần 2: chi trả vào tháng 3 hoặc tháng 4, tháng 5.	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

	cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục			dân tỉnh
10	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	1.004435	- Tiền ăn và tiền nhà ở: hàng tháng. - Gạo: không quá 2 lần/học kỳ.	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
11	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	1.004436	- Tiền ăn và tiền nhà ở: hàng tháng. - Gạo: không quá 2 lần/học kỳ.	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
12	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	1.002982	- Đối với học sinh học tại các CSGD công lập: 10 ngày (kể từ ngày hết hạn nhận đơn) - Đối với học sinh học tại các CSGD ngoài công lập: 40 ngày (kể từ ngày khai giảng năm học)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
13	Đề nghị miễn, giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	1.005144	- Không quá 9 tháng/năm học (đối với trẻ em MN và học sinh PT, học viên TTGDTX) + Không quá 10 tháng/năm học (đối với học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài				
1	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	1.001492	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Phê duyệt liên kết giáo dục	1.001497	Tối thiểu là 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (bao gồm cả thời gian đề nghị Bộ GDĐT phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp)	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

3	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	1.001497	10 ngày làm việc; trường hợp điều chỉnh liên kết giáo dục trong đó có điều chỉnh chương trình giáo dục tích hợp thời gian tối thiểu là 40 ngày làm việc.	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	1.001496	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.000939	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.000716	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008722	25 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.006446	20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.000718	20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

10	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.001495	20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
11	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.001493	30 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
12	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	1.008723	25 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Lĩnh vực thi, tuyển sinh				
1	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	1.003734	Không quy định	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT)	1.005090	Không quy định	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	1.005098	Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	1.005142	Theo hướng dẫn tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 27/04/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

5	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	1.005095	15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học	2.001806	Theo đợt tuyển sinh	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	1.009394	30 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non	1.001942	Theo kỳ tuyển sinh	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ			
1	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	1.005092	01 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	2.001914	05 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	1.004889	20 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thông tin về văn bằng từ cơ sở nước ngoài hoặc đơn vị xác thực nước ngoài, thời hạn trả kết quả công nhận văn bằng không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
	Lĩnh vực tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục			
1	Xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú	1.001652	Được xét tặng ba năm một lần và công bố vào dịp kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

2	Xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân	2.000594	Được xét tặng ba năm một lần và công bố vào dịp kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
---	--------------------------------------	----------	--	--

II. Thủ tục hành chính cấp huyện (46 thủ tục)

STT	Tên thủ tục	Mã số TTHC	Thời gian giải quyết hồ sơ TTHC	Quyết định công bố TTHC
Lĩnh vực giáo dục mầm non				
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1.012961	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, UBND cấp huyện thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho cơ quan, tổ chức Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 25 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1.006390	20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	1.006444	20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1.006445	20 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	1.012962	10 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Lĩnh vực giáo dục tiểu học				
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	1.012963	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, UBND cấp huyện thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho cơ quan, tổ chức Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 25 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	2.001842	20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	1.004552	20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	1.004563	20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	1.001639	20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	1.005099	- Chuyển trường trong nước: Không quá 09 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) - Từ nước ngoài về: Không quá 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Lĩnh vực giáo dục trung học				
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1.012964	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, UBND cấp huyện thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho cơ quan, tổ chức Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 30 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1.012965	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, Phòng GDĐT thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho cơ quan, tổ chức Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 30 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	1.012966	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trường	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1.012967	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, UBND cấp huyện thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho cơ quan, tổ chức Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 35 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	1.012968	20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

6	Tuyển sinh trung học cơ sở	3.000182	Không quy định	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	2.002481	03 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	2.002482	Không quy định	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	2.002483	Không quy định	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	2.001904	Theo quy định	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh o
11	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	1.005108	Không quy định	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Lĩnh vực giáo dục thường xuyên				
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	1.012969	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, UBND cấp huyện thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho cơ quan, tổ chức Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 20 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

2	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1.012970	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của trung tâm	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	3.000307	Trường hợp không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, UBND huyện thông báo bằng văn bản nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	3.000308	Đối với giải thể trung tâm học tập cộng đồng công lập: 05 ngày làm việc. Đối với giải thể trung tâm học tập cộng đồng tư thực: + Nếu hồ sơ không hợp lệ: trong 05 ngày làm việc thì Phòng GDĐT thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung. + Nếu hồ sơ hợp lệ: trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo thẩm định	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác				
1	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	1.001000	07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương	1.005017	07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

3	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	3.000309	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong 05 ngày làm việc thì UBND cấp huyện thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân				
1	Đề nghị đánh giá, công nhận “đơn vị học tập” cấp huyện	2.002594	Không quy định	Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008724	20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008725	20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu	1.004438	20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân

	học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn			dân tỉnh
5	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	1.003702	- CSGD công lập: 10 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) - CSGD ngoài công lập: 40 ngày (kể từ ngày khai giảng năm học)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	1.001622	24 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	1.008950	24 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	1.008951	17 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1.001714	2 lần trong năm (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu		20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

11	Đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	1.005143	10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
12	Xét, cấp học bổng chính sách	1.002407	02 lần trong năm, mỗi lần 6 tháng	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
13	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	2.001908	20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
14	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	2.001912	20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Lĩnh vực thi, tuyển sinh				
1	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	1.003734	Theo thông báo của trung tâm sát hạch	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ				
1	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	2.001914	05 ngày làm việc (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	1.005092	01 ngày làm việc (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

III. Thủ tục hành chính cấp xã (05 thủ tục)

STT	Tên thủ tục	Mã số TTHC	Thời gian giải quyết hồ sơ TTHC	Quyết định công bố TTHC
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1.012971	Đối với thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập công lập: 20 ngày Đối với cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, UBND cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho cơ quan, tổ chức Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 20 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	1.012972	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1.012973	Đối với sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập công lập: 15 ngày làm việc Đối với sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thời hạn 05 ngày làm việc, UBND cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho cơ quan, tổ chức Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 20 ngày làm việc	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

4	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1.012974	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị giải thể	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	1.012975	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Tổng số thủ tục hành chính tính đến ngày 15/12/2024 gồm 136 thủ tục (*cấp tỉnh: 85 thủ tục, cấp huyện: 46 thủ tục, cấp xã: 05 thủ tục*)